

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **84/2022/HSST**
Ngày 03 tháng 6 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Bá Xuân**

2. Ông **Phùng Ngọc Toàn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Thanh Huyền**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đưa ra xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2022/TL - HSST ngày 13 tháng 5 năm 2022; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2022/QĐST-HPT ngày 31 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Lê Hoàng C**, sinh năm 1974; Đăng ký hộ khẩu: Số 4, ngõ C, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số 6/29 C, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ và tên bố: Lê Tuấn N (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Đ (đã chết); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (đã ly hôn); có một con, sinh năm 1994; Tiền sự: không; Tiền án: có 04 tiền án (03 tiền án đã xóa án tích theo Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội);

Nhân thân:

- Tại Bản án số 240/HSST ngày 29/7/1994, Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 36 tháng về tội “Cướp tài sản của công dân”;

- Tại Bản án số 435/HSST ngày 16/11/1996, Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 54 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và phải chấp hành 24 tháng tù của bản án số 240/HSST ngày 29/7/1994. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho hai bản án là 78 tháng tù. Ra trại: 28/11/2002;

- Tại Bản án số 269/HSST ngày 28/7/2004 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 8 năm 6 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma

túy”. Chi cục THA dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội đã ra Quyết định đình chỉ THA số 73 ngày 10/9/2015, căn cứ vào Quyết định miễn giảm số 38 ngày 31/7/2015. Ra trại: 15/5/2012.

- Tại Bản án số 203/2017/HSST ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xử phạt 15 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Tại Bản án số 869/2017/HS-PT ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 203/2017/HSST ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xử phạt bị cáo 15 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Bị tạm giữ từ ngày ra đầu thú 23/9/2022. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số I - Công an thành phố Hà Nội. Số giam: 4521A2/21(M6).

2. **Lê Trường G**, sinh năm 1984. Đăng ký hộ khẩu và nơi ở: Số 30 L, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ và tên bố: Lê Q, sinh năm 1957; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Trần Thị L, sinh năm 1984, có hai con, con lớn sinh 2010, con nhỏ sinh 2014; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 5/2001 đánh nhau - Công an phường Ô xử phạt hành chính. Tại Bản án số 478/HSST ngày 11/11/2004 của Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 10 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Ra trại: 21/3/2005. Tại Bản án số 77/2006/HSST ngày 17/02/2006 của Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 42 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Ra trại: 11/10/2009. Tại Bản án số 79/2017/HSST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình xử phạt 36 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Ra trại: 20/6/2019.

Bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam số I - Công an thành phố Hà Nội. Số giam: 4206H2/02.

Các bị cáo C, G có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị **Bùi Thị Thanh T**, sinh năm 1990, địa chỉ: P.3934 CT12C Kim Văn, Kim Lũ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Chị **Hannah Logan Smith**, sinh năm 1997, Địa chỉ: Số 50B, Làng Yên Phụ, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội – Người phiên dịch **Hoàng Tuấn Anh**, sinh năm 1996 theo Quyết định số 01/YC/CABĐ(CSHS) ngày 07/9/2021.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh **Vũ Hồng T**, sinh năm 1977, địa chỉ: Số 23 phố Đ, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội.

(chị T, chị Hannah, người phiên dịch, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 31 tháng 8 năm 2021, G và C đã cùng nhau thực hiện 02 vụ “cướp giật tài sản”:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ 00 ngày 31 tháng 8 năm 2021, C đang ở nhà thì có Lê Trường G điều khiển xe máy Honda Vision BKS: 29H2-224.57 đến nhà C chơi, sau đó G rủ C đi lòng vòng trên phố xem có tài sản sơ hở sẽ cướp giật.

C đồng ý, G dùng khẩu trang che BKS chở C đi lòng vòng trên các tuyến phố. Đến 14 giờ 00 cùng ngày, G và C đi đến đoạn phố Đội Cấn hướng về phố Lê Hồng Phong thì phát hiện chị Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1990; nơi cư trú: P3934 CT12C Kim Văn, Kim Lũ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đang ngồi trên xe máy trước cửa số nhà 162B Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. G và C quan sát thấy chị Thúy đang sử dụng điện thoại, thấy có điều kiện cướp giật, G điều khiển xe vòng lại, dừng cách một đoạn và nói “anh xuống xe lấy điện thoại của con bé kia”, C hiểu ý đi bộ tiếp cận chị Thúy từ phía sau, khi áp sát C nhanh chóng dùng tay giật mạnh điện thoại của chị Thúy, chị Thúy chạy theo giằng lại điện thoại nhưng không được. C gạt tay khiến chị Thúy ngã ra đường và cầm điện thoại chạy tới chỗ G đang chờ sẵn ngồi lên xe, G điều khiển xe tẩu thoát theo hướng phố Đội Cấn - Lê Hồng Phong rồi cùng nhau đến phố Đặng Dung bán chiếc điện thoại cướp giật được cho anh Vũ Hồng T, sinh năm 1977; Đăng ký hộ khẩu: Đội 5, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội làm nghề mua, bán điện thoại cũ tại địa chỉ số 23 phố Đặng Dung, được số tiền 700.000 đồng. Sau đó, G và C sử dụng số tiền trên đi mua ma túy và chia nhau sử dụng hết. Cơ quan điều tra đã tiến hành dẫn giải G và thu hồi được chiếc điện thoại trên từ anh Vũ Hồng T.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ 00 ngày 31 tháng 8 năm 2021, G đang ở nhà thì có Lê Hoàng C gọi điện thoại rủ đi lòng vòng xem có ai có điện thoại sơ hở thì chiếm đoạt. G đồng ý và điều khiển xe máy Honda Vision BKS: 29H2-224.57 (dùng khẩu trang xe BKS) đến nhà đón C. G chở C đi lòng vòng trên các tuyến phố, khoảng 20 giờ 00 cùng ngày G, C đi đến phố Đội Cấn đến đoạn giao cắt với phố Văn Cao, thì cả hai phát hiện chị Hannah điều khiển xe máy đi một mình theo chiều ngược lại. G và C phát hiện tại túi quần sau bên phải của chị Hannah đang để 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus, do điện thoại lộ ra bên ngoài. C ra hiệu cho G bám theo, G hiểu ý điều khiển xe vòng quay lại, bám theo phía sau chị Hannah Logan Smith. Chị Hannah Logan Smith phát hiện có người bám theo nên sợ hãi, vòng xe đi vào ngõ trên phố Đội Cấn để né tránh, đi được khoảng 10m thì dừng xe lại. G vẫn tiếp tục bám theo sau chị Hannah Logan Smith đi vào trong ngõ. Chị Hannah sợ hãi nên vòng xe quay ra phố Đội Cấn, đi về hướng phố G Văn Minh, G vẫn bám sát phía sau. Khi chị Hannah đi đến đoạn trước số 177 phố Đội Cấn, do không làm chủ được tốc độ đã đâm vào xe máy đi cùng chiều phía trước và bị ngã ra đường. G thấy vậy liền dừng xe lại, C xuống xe tiếp cận chị Hannah Logan Smith đang bị ngã ngồi dưới nền đường. Lúc này, có một số người dân chạy đến hỗ trợ chị Hannah Logan Smith. C nhanh chóng dùng tay phải giật chiếc điện thoại để trong túi quần sau của chị Hannah Logan Smith. Chị Hannah đã quan sát được hành vi của C, liền hô hoán: “*They steal my phone*” (có nghĩa là họ lấy điện thoại của tôi), đồng thời chỉ tay về phía C. C chạy tới chỗ G, ngồi lên phía sau xe, G hiểu ý liền tăng ga phóng nhanh về hướng phố Lê Hồng Phong để tẩu thoát. Khi tẩu thoát, G thấy có người điều khiển xe máy truy đuổi phía sau, khi đến đoạn giao cắt phố Lê Hồng Phong và Chu Văn An thì có người đuổi kịp vượt ngang qua xe của G bên trái, dùng chân đạp vào xe khiến G loạng choạng tay lái ngã ra đường, G bị người dân giữ lại, còn C cầm điện thoại giật được chạy thoát. Đến ngày 23 tháng 9 năm 2021, Lê

Hoàng C đến Công an quận Ba Đình “đầu thú” và giao nộp chiếc điện thoại cướp giật được của chị Hannah.

* Vật chứng thu giữ:

+ Thu giữ của Lê Trường G: 01 chiếc xe máy Honda Vision, màu xanh, biển số 29H2-224.57 (đã qua sử dụng); 01 chiếc điện thoại Mobell M228, Imei: 8100336003532287, số sim 034.540.4592 (đã qua sử dụng).

+ Thu giữ của Lê Hoàng C: 01 điện thoại Iphone7 Plus màu bạc, số sim 0969487011, số Imei: 353821087369429 đã qua sử dụng.

+ Thu giữ của anh Vũ Hồng T: 01 chiếc điện thoại Realme 3, màu tím - đỏ, Imei1 869566046683835, Imei2 869566046683827 (đã qua sử dụng).

+ Thu giữ 01 USB có ghi nội dung liên quan đến video trích xuất từ camera tại số 162 phố Đội Cấn và nội dung từ camera trên phố Đặng Dung, nội dung ghi nhận sự việc G và C bán chiếc điện thoại Realme 3.

Tại cơ quan điều tra, lời khai nhận tội của Lê Trường G và Lê Hoàng C phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 149/KLĐG-HĐĐGTS ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND quận Ba Đình kết luận: 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Realme 3 màu tím - đỏ, Imei1: 869566046683835, Imei2: 869566046683827 đã qua sử dụng có trị giá 700.000 đồng; 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu trắng đã qua sử dụng có trị giá 2.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản cướp giật được là 2.700.000 đồng.

Cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, truy tố bị cáo Lê Hoàng C về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Trường G về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm vụ án và đưa ra những chứng cứ, lý lẽ luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Hoàng C về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị cáo Lê Trường G về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị về hình phạt đối với bị cáo Lê Hoàng C: Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án tù 05 năm tù đến 06 năm tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 869/2017/HSPT ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt bị cáo 15 năm tù. Bị cáo đã chấp hành được 3 năm 4 tháng 28 ngày, còn lại 11 năm 07 tháng 03 ngày tù. Buộc bị cáo phải chấp hành nốt số năm còn lại.

Đề nghị về hình phạt đối với bị cáo Lê Trường G: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án tù 04 năm tù đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả chiếc điện thoại Realme3 màu tím đỏ cho Bùi Thị Thanh T và trao trả chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu trắng cho chị Hannah. Chị Thúy và chị Hannah đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Đối với chiếc xe máy Honda Vission màu xanh BKS: 29H2-224.57. Quá trình xác minh chiếc xe máy trên thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1964; Đăng ký hộ khẩu: Số 30 L, phường Ô, quận Đ - là mẹ đẻ của bị cáo G. Việc G sử dụng chiếc xe trên thực hiện hành vi phạm tội bà Lan không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ba Đình đã trao trả chiếc xe máy trên cho bà Nguyễn Thị Lan.

Đối với anh Vũ Hồng T khi mua chiếc điện thoại Realme 3 của Lê Trường G, Lê Hoàng C không biết là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Anh Thắng có đơn xin không yêu cầu bồi thường số tiền 700.000 đồng.

Truy thu mỗi bị cáo 350.000 đồng tiền hưởng lợi bất chính từ việc bán điện thoại cướp giật được.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Mobell M228 (đã qua sử dụng).

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ba Đình đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 443/QĐ-CABĐ(CSHS) ngày 29 tháng 10 năm 2021, giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo Lê Hoàng C.

Tại Kết luận giám định số: 71/KLGD ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương.

Kết luận: “Trước khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 31/8/2021, bị cáo Lê Hoàng C bị rối loạn loạn thần di chứng và khởi phát muộn do sử dụng nhiều loại ma túy trên người rối loạn nhân cách cảm xúc không ổn định. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F19.75/F60.3, đã được điều trị ổn định.

Trong khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 31/8/2021, bị can Lê Hoàng C có biểu hiện hội chứng nghiện nhiều loại ma túy trên người rối loạn nhân cách cảm xúc không ổn định. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F19.2/F60.3

Tại thời điểm giám định bị can Lê Hoàng C có hội chứng nghiện nhiều loại ma túy hiện đang cai nhưng ở trong môi trường được bảo vệ trên người rối loạn nhân cách cảm xúc không ổn định. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F19.21/F60.3

Tại các thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.”

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội, các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố không có tranh luận, bào chữa gì. Nội dung lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt vì các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội

của mình, sớm trở về với gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, các bị hại, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, về thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về chứng cứ xác định tội danh: Hội đồng xét xử xét thấy lời khai các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng đã thu giữ trong vụ án; Kết luận định giá tài sản, Kết luận giám định pháp y tâm thần, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận tội ngày 31 tháng 8 năm 2021, bị cáo Lê Hoàng C cùng bị cáo Lê Trường G có hành vi “cướp giật tài sản” là 01 điện thoại Realme 3 của chị Bùi Thị Thanh T và 01 điện thoại Iphone 7 Plus của chị Hannah, Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình truy tố các bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là có căn cứ. Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Thông qua diễn biến vụ án và quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa cho thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản, gây mất an toàn và trật tự công cộng được luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp, nên hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị Bùi Thị Thanh T là 01 chiếc điện thoại Realme 3, màu tím - đỏ, có trị giá 700.000 đồng và chị Hannah là 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus có trị giá 2.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản cướp giật được là 2.700.000 đồng;

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn các bị cáo đều giữ vai trò là người thực hành, tuy nhiên đánh giá vai trò của bị cáo C, bị cáo G là ngang nhau nên mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Lê Hoàng C: Về nhân thân trước khi thực hiện hành vi phạm tội, ngoài 03 tiền án đã được xóa án tích theo Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, còn 01 tiền án chưa xóa án tích cụ thể:

- Tại Bản án số 240/HSST ngày 29/7/1994, Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 36 tháng về tội “Cướp tài sản của công dân”;

- Tại Bản án số 435/HSST ngày 16/11/1996, Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 54 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và phải chấp hành 24 tháng tù của bản án số 240/HSST ngày 29/7/1994. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho hai bản án là 78 tháng tù. Ra trại: 28/11/2002;

- Tại Bản án số 269/HSST ngày 28/7/2004 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 8 năm 6 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chi cục THA dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội đã ra Quyết định đình chỉ THA số 73 ngày 10/9/2015, căn cứ vào Quyết định miễn giảm số 38 ngày 31/7/2015. Ra trại: 15/5/2012.

- Tại Bản án số 203/2017/HSST ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xử phạt 15 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Tại Bản án số 869/2017/HS-PT ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm 203/2017/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xử phạt bị cáo 15 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; trong thời gian chấp hành án tại Trại giam số 5 - Bộ Công an, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định bắt buộc chữa bệnh số 05/2018/QĐ-TA ngày 09/11/2018 đối với bị cáo tại Bệnh viện tâm thần Trung ương 1. Đến ngày 05/11/2019 bị cáo đã trốn khỏi nơi chữa bệnh bắt buộc. Tính đến ngày đầu tháng 23 tháng 9 năm 2021, bị cáo C đã chấp hành bản án được 03 năm 04 tháng 28 ngày.

Đối với bị cáo Lê Trường G: Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 5/2001 đánh nhau - Công an phường Ô xử phạt hành chính. Tại Bản án số 478/HSST ngày 11/11/2004 của Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 10 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Ra trại: 21/3/2005. Tại Bản án số 77/2006/HSST ngày 17/02/2006 của Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 42 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Ra trại: 11/10/2009. Tại Bản án số 79/2017/HSST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình xử phạt 36 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Ra trại: 20/6/2019.

Sau khi xem xét các tình tiết có trong hồ sơ vụ án, Bản cáo trạng và nội dung luận tội của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tại phiên tòa, đề nghị áp dụng tình tiết định khung hình phạt “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 để đề nghị xét xử bị cáo C và bị cáo G là chưa phù hợp. Vì khi thực hiện hành vi “cướp giật tài sản” là chiếc điện thoại của bị hại, “C hiểu ý đi bộ tiếp cận chị Thúy từ phía sau...”, “C **xuống xe** tiếp cận chị Hannah đang bị ngã ngồi dưới nền đường...” các bị cáo không sử dụng xe máy làm phương tiện để trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi tội phạm đã hoàn thành hai bị cáo dùng xe máy để tẩu thoát;

Đối với đề nghị áp dụng tình tiết định khung hình phạt “tái phạm nguy hiểm” theo điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 để đề nghị xét xử bị cáo C; Căn cứ nhân thân của bị cáo, căn cứ bản án 869/2017/HS-PT ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không xác định bị cáo C “tái phạm”, thì không đủ cơ sở kết luận bị cáo C “tái phạm nguy hiểm”.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình truy tố các bị cáo với tình tiết định khung hình phạt theo khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” và “tái phạm nguy hiểm”. Căn cứ theo khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong một ngày đã thực hiện hai vụ cướp giật tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo C chưa chấp hành xong hình phạt tại Bản án số 869/2017/HS-PT ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội lại phạm tội nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình nên đều được áp dụng tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “đầu thú” nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, đều là đối tượng nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Bùi Thị Thanh T và chị Hannah đã nhận lại tài sản và không yêu cầu trách nhiệm dân sự;

- Đối với anh Vũ Hồng T khi mua chiếc điện thoại Realme 3 của hai bị cáo không biết là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Anh Thắng có đơn xin không yêu cầu bồi thường số tiền 700.000 đồng.

- Bị cáo C và bị cáo G bán chiếc điện thoại cướp được của chị Thúy cho anh Vũ Hồng T, hai bị cáo hưởng lợi số tiền 700.000 đồng tuy anh Thắng có đơn xin không yêu cầu bồi thường số tiền 700.000 đồng đối với hai bị cáo, nhưng cần phải truy thu số tiền này đối với hai bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[9] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại Realme3 màu tím đỏ (đã qua sử dụng) đã trả cho chị Bùi Thị Thanh T;

- Đối với chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu trắng (đã qua sử dụng) đã trả

cho chị Hannah.

- Đối với chiếc xe máy Honda Vission màu xanh BKS: 29H2-224.57. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho bà Nguyễn Thị Lan - là mẹ đẻ của bị cáo G là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 chiếc điện thoại Mobell M228 là tài sản của bị cáo G liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[10] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tình tiết định khung hình phạt chưa có căn cứ nên không được chấp nhận.

[11] Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ, nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 1, Điều 171; Điều 38; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1, Điều 52; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Hoàng C 04** (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 869/2017/HSPT ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là 15 (mười lăm) năm 07 (bảy) tháng 03 (ba) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 9 năm 2021.

- Căn cứ khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 1, Điều 171; Điều 38; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Trường G 04** (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31 tháng 8 năm 2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- **Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ điểm b khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị hại chị Bùi Thị Thanh T và chị Hannah Logan Smith đã nhận tài sản và anh Vũ Hồng T có đơn xin không yêu cầu bồi thường số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng, không có yêu cầu Tòa án giải quyết về dân sự.

Truy thu bị cáo Lê Hoàng C số tiền 350.000 (ba trăm lăm mươi nghìn) đồng và bị cáo Lê Trường G số tiền 350.000 (ba trăm lăm mươi nghìn) đồng để nộp ngân sách Nhà nước;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại Mobell M228, gắn sim số 034.540.4592, số Imei: 8100336003532287 (đã qua sử dụng) theo biên bản giao, nhận vật chứng số: 113/BB-CSĐT-CSHS ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày 03 tháng 6 năm 2022; Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại; Người liên quan;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Trại tạm giam số 1 Công an TP Hà Nội;
- Công an quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND phường H và phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long